

NGƯỜI KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ THOÁT NGHÈO

Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé¹

ABSTRACT

Results from an extensive study conducted in 3 selected provinces of Kien Giang, Soc Trang and Tra Vinh from August to December, 2003 showed that the internal problems among Khmer communities are low education and technical knowledge/skills, small land holding, poor resource endowment, slow reaction to changes, poor economic management capacity. The external difficulties they are facing are less opportunity to education, training, employment, low access to credit, information, poor infrastructure facilities. It is needed to improve the educational level and technical knowledge/skill for Khmer people, develop better infrastructure facilities, improve the implementation of social welfare policies, speed up the economic development process to create job opportunity for Khmer people, improve the coordination of poverty reduction programs in more participatory, diverse and integrated manners.

Keywords: *Khmer ethnic minority, Mekong Delta, education, training, employment, economic development*

Title: *Khmer people in the Mekong Delta: conditions for poverty reduction*

TÓM TẮT

Kết quả một nghiên cứu được tiến hành tại 3 tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2003 cho thấy các khó khăn nội tại của cộng đồng người Khmer là trình độ học vấn thấp, kiến thức và tay nghề chưa cao, ít đất, nghèo tài nguyên, chậm thích ứng với sự chuyển đổi trong cơ chế thị trường và năng lực quản lý kinh tế kém. Những khó khăn khách quan mà họ gặp phải là thiếu cơ hội học hành, huấn luyện, đào tạo, cơ hội việc làm, khả năng tiếp cận tín dụng, thông tin và cơ sở hạ tầng thấp kém. Để cải thiện tình trạng kinh tế của người dân Khmer, nhất thiết phải nâng cao trình độ học vấn, trình độ kỹ thuật và tay nghề, phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến chính sách phúc lợi xã hội, đẩy mạnh tiến trình phát triển kinh tế tạo công ăn việc làm, cải tiến công tác tổ chức quản lý các chương trình dự án xóa đói giảm nghèo theo hướng tăng cường sự tham gia của người dân, đa dạng hoá và liên kết nhiều loại hình giảm nghèo khác nhau.

Từ khoá: *Người Khmer, Đồng bằng sông Cửu Long, giáo dục, huấn luyện, việc làm, phát triển kinh tế*

1 MỞ ĐẦU

Xóa đói giảm nghèo trở thành một chương trình kinh tế xã hội trọng điểm của Việt Nam trong nhiều năm qua. Nhờ tăng trưởng kinh tế nhanh, công cuộc xóa đói giảm nghèo đã đạt nhiều kết quả to lớn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang là một nước nghèo, có mức thu nhập bình quân đầu người vào loại thấp (GDP bình quân đầu người năm 2000 khoảng 400 USD), tỷ lệ hộ nghèo còn lớn. Đầu năm 2001, theo số liệu của Chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo cả nước là

¹ Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng Bằng sông Cửu Long

17,2%, riêng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là 14,4%. Đặc biệt, hộ nghèo người Khmer chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với người Kinh và Hoa.

Tại ĐBSCL hiện có 4 dân tộc đang chung sống là người Kinh, Khmer, Hoa và Chăm. Sau người Kinh, người Khmer chiếm tỷ lệ cao nhất trong cộng đồng các dân tộc sống tại ĐBSCL, đặc biệt là ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang.... Tỷ lệ người nghèo trong cộng đồng người Khmer cao hơn rất nhiều so với người Kinh và người Hoa. Những năm gần đây số hộ Khmer thoát nghèo tương đối ít, trong khi tỷ lệ tái nghèo cao hơn các nhóm dân tộc khác.

Vì vậy, nghiên cứu đúng bản chất các nguyên nhân và đưa ra các giải pháp hiệu quả giúp thoát nghèo bền vững cho người Khmer là rất cần thiết, góp phần tác động tích cực đến công tác xóa đói giảm nghèo (xóa đói giảm nghèo) nói chung tại ĐBSCL. Đề tài nghiên cứu này nhằm phân tích và đánh giá thực trạng nghèo đói, nguyên nhân, cơ hội, các giải pháp quan trọng và khả thi để nâng cao hiệu quả công tác xóa đói giảm nghèo đến với người dân tộc Khmer tại ĐBSCL.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Địa bàn nghiên cứu

Địa bàn khảo sát gồm 3 tỉnh: Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang. Đây là 3 tỉnh có tỷ lệ người Khmer sinh sống rất cao (Sóc Trăng 31,87%, Trà Vinh 27,57%, Kiên Giang 17,25%).

Mỗi tỉnh chọn 1 thị xã và 2 huyện tiêu biểu có đông người Khmer sinh sống, 1 huyện nghèo và 1 huyện tương đối khá trong lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội. Mỗi huyện, thị, chọn 2 xã tiêu biểu theo các tiêu chí như trên để tiến hành nghiên cứu, khảo sát.

2.2 Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Tiếp cận khai thác và xử lý các nguồn tài liệu, số liệu và thông tin liên quan đến tình trạng đói nghèo trong người Khmer bằng phân tích định lượng kết hợp với phân tích định tính, sử dụng công cụ PRA để thu thập ý kiến của các tầng lớp cư dân Khmer tại các địa bàn được chọn mẫu để khảo sát; đồng thời thu thập ý kiến của Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và các vị trụ trì chùa Khmer thông qua các cuộc phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm tập trung hoặc tọa đàm.

Mỗi xã, phường chọn 3 nhóm hộ: **khá, trung bình và nghèo** (cả nam lẫn nữ) thực hiện công tác thu thập thông tin riêng biệt cho từng nhóm hộ. Tổng cộng có 487 hộ tham gia phỏng vấn nhóm ở 3 tỉnh (bảng 1). Tại mỗi xã/thị trấn, nhóm tư vấn đã phỏng vấn chuyên sâu 4 hộ khá, 4 hộ trung bình và 4 hộ nghèo người Khmer. Tổng cộng 216 hộ được phỏng vấn ở 3 tỉnh.

Thông tin và dữ liệu thu thập được phân tích, xử lý, tổng hợp và tổ chức thu thập thông tin phản hồi tại các tỉnh nghiên cứu dưới hình thức hội thảo hoặc thư góp ý.

Bảng 1: Tóm tắt địa bàn và số mẫu khảo sát, 8/2003

Tỉnh	Huyện/thị xã	Xã/phường	Phòng vấn nhóm (người)	Tổng số hộ điều tra
Sóc Trăng	Thị xã Sóc Trăng	Phường 5 và 10	150	72
	Mỹ Tú	Phú Mỹ, Phú Tâm		
	Mỹ Xuyên	Viên An, Đại Tâm		
Trà Vinh	Thị xã Trà Vinh	Phường 1, 6	166	72
	Châu Thành	Lương Hòa, Hòa Lợi		
	Trà Cú	Ngọc Biên, Phước Hưng		
Kiên Giang	Thị xã Rạch Giá	P. Vĩnh Lợi, xã Phi Thông	171	72
	Châu Thành	Minh Lương, Minh Hòa		
	Giồng Riềng	Ngọc Chúc, Bàn Thạch		
Tổng cộng			487	216

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Người Khmer đồng bằng sông Cửu Long

3.1.1 Đời sống văn hóa tinh thần

Người Khmer vốn là một sắc dân tôn sùng Phật pháp. Chịu ảnh hưởng của đạo Bà La Môn khi xưa, nhưng người Khmer ở Việt Nam hiện nay theo Phật giáo Tiểu thừa (Lê Hương, 1969). Các tục lệ, thói quen người đời đều chiếu theo lời Phật dạy, căn cứ theo kinh sách nhà Phật. Ngôi chùa trong xóm ấp là trung tâm điểm của các cuộc hội họp, lễ bái, vui chơi, học tập (Toan Ánh và C.L. Giang, 2002).

Người Khmer chủ yếu làm nghề nông và sống quây quần quanh những ngôi chùa, họp thành những phum sóc riêng biệt (Lê Hương, 1969, Toan Ánh, Cửu Long Giang, 2002).

Mỗi năm người Khmer có riêng 8 lần lễ và đều cử hành ở chùa:

- Méakabauchia, lễ Đức Phật cho biết 3 tháng nữa sẽ nhập Niết bàn, khoảng đầu tháng 2 dương lịch;
- Chôl Ch'năm Thmây, lễ vào năm mới (Tết), giữa tháng 4;
- Visakabauchia, lễ Phật đản (nhập niết bàn), đầu tháng 5;
- Chôl Vô Sa, lễ Nhập hạ (các sư sãi ở trong chùa 3 tháng, không ra ngoài), đầu tháng 7;
- Phchum Ben hay Đôn Ta, lễ xá tội vong nhân, giữa tháng 9;
- Chanh Vô Sa, lễ Xuất hạ (hết thời kỳ nhập hạ) đầu tháng 10;
- Ok Ang Bok, lễ cúng trăng, cuối tháng 10;
- Ka Thanh, lễ dâng y cho sư sãi, từ đầu tháng 10 đến giữa tháng 11.

Trong đó, 3 lễ quan trọng nhất là Chôl Ch'năm Thmây, Đôn Ta, Ok Ang Bok. Chỉ có lễ Vào năm mới theo sự tích Bà La Môn, các lễ còn lại theo Phật giáo (Lê Hương, 1969).

3.1.2 Đặc trưng người Khmer Nam bộ

- Là cư dân bản địa có mặt lâu đời sống trên vùng đất Nam bộ; đồng bào Khmer có truyền thống đoàn kết, có tinh thần nhân đạo và tấm lòng nhân ái cao cả.
- Đồng bào Khmer sinh sống chủ yếu bằng nghề nông (đặc biệt là trồng lúa và nuôi bò); có truyền thống lao động cần cù, chịu cực, chịu khó. Phần lớn các hộ Khmer sản xuất theo truyền thống; một bộ phận đồng bào biết tiếp thu và sử dụng có hiệu quả thành tựu khoa học trong nông nghiệp.
- Đồng bào Khmer có ngôn ngữ, chữ viết và nền văn hóa phát triển lâu đời; có phong tục tập quán, lễ hội phong phú và rất trân trọng giá trị tinh thần.
- Tính cộng đồng của đồng bào Khmer và sự gắn kết cộng đồng dân tộc thông qua nhà chùa và lễ hội truyền thống thể hiện rất đậm nét.
- Đồng bào Khmer sống thật thà, chất phác, khiêm tốn, dễ tin, nhưng cũng có lòng tự trọng và ý thức dân tộc cao. Có tính phóng khoáng nhưng cũng dễ tự ty mặc cảm. Có tinh thần đoàn kết, tính tập thể gắn bó với cộng đồng nhưng cũng dễ cách ly, biệt lập với cộng đồng.
- Phật giáo Nam tông, sư sãi và ngôi chùa Khmer có một vai trò, vị trí hết sức đặc thù trong cộng đồng dân tộc Khmer.

3.1.3 Vấn đề nghèo đói và người Khmer Đồng Bằng Sông Cửu Long

Năm 2001, hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer (theo tiêu chí mới) là 64.894 hộ, chiếm tỷ lệ 32,19 % số hộ dân tộc Khmer trong khu vực (Vụ Địa phương 3, 2002). Ba tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang có tỷ lệ người Khmer cao nhất ĐBSCL, lần lượt là 31,87%, 27,57% và 17,25% so với tổng dân số Khmer hay 29,78%, 30,86% và 12,19% so với dân số từng tỉnh (MDPA, 2003).

Bảng 2: Tỷ lệ nghèo chia theo 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu long và dân tộc (%)

Tỉnh	Người Khmer	Dân tộc khác	Chung	Tỷ trọng người khmer nghèo trong tổng số người nghèo của tỉnh
Long An	0	15.6	15.5	0.0
Đồng Tháp	na	31.3	31.3	0.0
An Giang	23.2	14.0	14.4	6.0
Tiền Giang	na	16.4	16.4	0.0
Vĩnh Long	68.6	22.5	24.1	10.3
Bến Tre	na	14.7	14.7	0.0
Kiên Giang	53.0	16.2	22.3	39.1
Cần Thơ	73.5	19.3	22.6	20.1
Trà Vinh	45.6	27.4	32.3	38.2
Sóc Trăng	55.1	30.7	36.7	36.6
Bạc Liêu	30.8	20.4	21.1	11.1
Cà Mau	93.2	33.7	34.7	4.1

Ghi chú: “na” nghĩa là không có quan sát trong mẫu

Nguồn: Số liệu của Tổng Cục Thống kê, 2003

Số liệu của Tổng Cục Thống kê (bảng 2) cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo Khmer trong tổng số hộ nghèo tại Kiên Giang, Trà Vinh và Sóc Trăng, lần lượt là 39,1, 38,2 và 36,8% cao nhất ĐBSCL. Ngoài ra, nếu chỉ tính riêng trong cộng đồng người Khmer, tỷ lệ hộ nghèo rất cao 45,6-55.1% ở 3 tỉnh này.

3.2 Về kiến thức và trình độ người Khmer nghèo

Về mặt giáo dục nói chung và giáo dục cho đồng bào người dân tộc Khmer nói riêng, đã được chính quyền các cấp quan tâm đặc biệt trong những năm vừa qua. Sự quan tâm này thể hiện ở nguồn kinh phí đầu tư cho giáo dục, việc xây dựng thêm cơ sở hạ tầng cho giáo dục và các chính sách ưu đãi cho con em hộ nghèo trong việc miễn và giảm học phí và các khoản đóng góp cho nhà trường. Các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh và cấp huyện là biểu hiện rõ nét của chính sách hỗ trợ giáo dục tích cực của Nhà nước cho cộng đồng người Khmer. Các nỗ lực này đã tạo ra những tiến bộ rõ rệt trong trình độ học vấn của đại bộ phận nhân dân, trong đó có đồng bào Khmer.

Bảng 3: Phân bố trình độ học vấn của thành viên gia đình theo nhóm hộ ở Trà Vinh

	Nhóm nghèo	Nhóm Trung bình	Nhóm khá	Chung
Chưa đi học (%)	11	6	3	6
Mù Chữ (%)	30	9	2	13
Cấp 1 (%)	47	42	32	40
Cấp 2 (%)	11	36	41	30
Cấp 3 (%)	1	4	18	8
Đại Học, Cao Đẳng (%)	0	3	5	3
Tổng cộng (%)	100	100	100	100
Tổng số người trong nhóm	109	118	132	359

Nguồn: Điều tra 72 hộ Khmer tại Trà Vinh, tháng 8 năm 2003.

Tuy nhiên xét về khía cạnh tiếp cận giáo dục của người nghèo, kết quả vẫn còn nhiều hạn chế. Người nghèo Khmer, do điều kiện sinh sống, làm ăn còn nhiều khó khăn, kiến thức và tầm hiểu biết có hạn, đã tiếp cận rất ít với hệ thống giáo dục. Con em của họ có trình độ học vấn rất thấp, thường là cấp 1 hoặc bỏ học dang dở ở cấp 1. Bản thân hộ nghèo biết chữ rất ít và thậm chí là mù chữ. Trình độ học vấn là một nhân tố quan trọng giúp người nghèo tiếp thu khoa học kỹ thuật tốt, có những suy nghĩ tính toán tìm ra phương thức làm ăn, cơ hội việc làm tốt hơn.

Ngoài ra, phần lớn những người trong diện này là lao động nghèo, không đất hoặc ít đất sản xuất nên phải đi làm thuê kiếm sống, việc làm không ổn định. Vì thế, họ thường không quan tâm lắm đến việc học chữ, học nghề cho cả bản thân và gia đình. Điển hình tại Trà Vinh, số người mù chữ và có trình độ cấp 1 trong nhóm hộ nghèo người Khmer chiếm tỉ lệ rất cao 30% và 47%. So với nhóm hộ trung bình và nhóm hộ khá, nhóm hộ nghèo có trình độ học vấn thấp hơn nhiều (bảng 3).

3.3 Mức sống vật chất và phúc lợi xã hội trong cộng đồng người Khmer

3.3.1 Nguồn và mức thu nhập của hộ nghèo

Đời sống kinh tế của người Khmer lâu nay căn bản dựa vào sản xuất nông nghiệp, độc canh cây lúa và chăn nuôi bò là ngành sản xuất truyền thống của họ. Việc chuyển giao kỹ thuật, công nghệ sản xuất để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất - kinh doanh cũng như mở thêm các ngành nghề mới trong nông thôn ở vùng người Khmer vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Người Khmer chậm thích ứng với cơ chế thị trường, thiếu thông tin và khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Công cuộc di dân, giãn dân đi xây dựng vùng kinh tế mới trong tỉnh cũng gặp không ít trở ngại do người Khmer thường quần tụ theo dòng họ, trong các phum, sóc trên những vùng đất cao (đất giồng) ở chung quanh chùa Phật. Chùa chiền Khmer luôn gắn bó mật thiết với cá nhân và cộng đồng trong từng phum, sóc nhất định, hợp thành không gian cư trú có tính bền vững và họ ít muốn rời xa nơi ở cũ.

Ngoài ra, đa số người nghèo, nhất là người Khmer, không có đất, mất đất hoặc ít đất sản xuất nên phải đi làm thuê kiếm sống, việc làm lại không ổn định. Bệnh tật, thiên tai, chi phí sinh hoạt cao làm tăng thêm tính trầm trọng của nghèo đói trong cộng đồng người Khmer.

3.3.2 Vấn đề y tế

Chính sách hỗ trợ về mặt y tế cho người nghèo, trong đó có người Khmer, được tất cả các tỉnh rất quan tâm thực hiện trong thời gian qua. Hằng năm, các tỉnh đã chi hàng chục tỷ đồng cho công tác khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo có sổ hộ nghèo (Sóc Trăng, Trà Vinh) hoặc do cơ sở xác nhận (Kiên Giang). Việc cấp thẻ BHYT đã được các tỉnh thực hiện từ năm 2001 với điều kiện phải khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh của Nhà nước và theo đúng tuyến quy định. Hầu hết các xã, phường đều có trạm y tế, cấp huyện có Trung tâm y tế và cấp tỉnh đều có bệnh viện đa khoa và bệnh viện y học dân tộc.

3.3.3 Vấn đề giáo dục

Giáo dục cũng là mục tiêu quan trọng trong các chương trình xóa đói giảm nghèo của các tỉnh. Ngoài việc đẩy mạnh nâng cấp, mở rộng và xây mới các trường học, tăng cường đội ngũ và chất lượng giáo viên, phổ cập giáo dục cơ sở, miễn giảm học phí và các khoản đóng góp cho con em hộ nghèo và người Khmer, chính quyền và đoàn thể đã phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục tổ chức vận động học sinh nghèo trong độ tuổi đi học đến lớp, lập quỹ khuyến học, tặng học bổng cho học sinh nghèo hiếu học hoặc những trường hợp đặc biệt khó khăn. Mỗi tỉnh đều có trường dân tộc nội trú cấp tỉnh và một số huyện có đông người Khmer để tạo điều kiện hỗ trợ đặc biệt cho người dân tộc Khmer theo chế độ cử tuyển hoặc xét tuyển.

3.4 Điều kiện tiếp cận với tài nguyên và cơ sở hạ tầng

3.4.1 Cơ sở hạ tầng nông thôn

Cơ sở hạ tầng nông thôn, nước sạch và vệ sinh môi trường đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, sự tiếp cận của người nghèo, đặc biệt là người Khmer còn ở mức rất thấp. Có nơi đã có mạng lưới điện hạ thế nhưng người nghèo không đủ tiền để gắn đồng hồ điện và trả tiền điện hàng tháng. Thông tin thị trường còn yếu kém và chưa được quan tâm đúng mức.

3.4.2 Vấn đề đất đai

Phần lớn hộ nghèo Khmer không có đất, mất đất hoặc ít đất sản xuất nên phải đi làm thuê kiếm sống, việc làm lại không ổn định. Hộ Khmer không đất ở Sóc Trăng chiếm đến 90,6%, Trà Vinh: 20.000 hộ nghèo Khmer, có hơn 3.000 hộ không có đất và Kiên Giang: hơn 6000 hộ thiếu hoặc cầm cố đất. Cho vay để chuộc lại đất không phải là giải pháp căn cơ. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc

làm cho lao động nghèo không đất hoặc ít đất có việc làm và thu nhập ổn định mới là giải pháp tích cực và bền vững.

3.4.3 Đầu tư, hỗ trợ vốn

Người nghèo Khmer có tiếp cận được các nguồn vốn vay tín dụng. Tuy nhiên công tác này chưa được đều khắp và bất cập do:

- Thiếu sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa hỗ trợ vốn với hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực chuyên môn.
- Thiếu kiến thức quản lý kinh tế hộ, phát triển cơ sở hạ tầng và tiếp cận với thị trường hạn chế.

Các chương trình trợ giá trợ cước, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm chưa phát huy tác dụng và chưa thật sự đến tay người nghèo

3.4.4 Khuyến nông đối với người nghèo

Công tác khuyến nông hiện tại chỉ dừng lại ở mức trình diễn, thí điểm mô hình, chưa đi vào chiều sâu. Việc nhân rộng mô hình còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với người nghèo và người Khmer do rào cản về trình độ học vấn và ngôn ngữ. Người nghèo Khmer tiếp cận với hệ thống khuyến nông còn thấp, mức độ tiếp thu kém, dẫn đến việc ứng dụng kém hiệu quả. Cần có một chương trình khuyến nông phù hợp cho người Khmer nghèo. Đối với hộ nghèo ít đất và không đất sản xuất, chuyên đi làm thuê rất ít tiếp cận hoặc không quan tâm đến khuyến nông, khuyến ngư. Thêm vào đó, mạng lưới khuyến nông, khuyến ngư như hiện nay, vẫn còn mỏng và chưa thật năng động nên nhiều mô hình sản xuất - kinh doanh làm ăn có hiệu quả kinh tế và phù hợp trên từng vùng sinh thái - nhân văn khác nhau chưa được nhân rộng trong các cộng đồng cư dân, nhất là đối với cư dân ở vùng sâu, vùng xa và vùng người Khmer.

3.4.5 Dạy nghề và dịch vụ giới thiệu việc làm

Người Khmer có nhiều hạn chế cả về trình độ học vấn lẫn tay nghề. Việc liên kết và xuất khẩu lao động là hướng giải quyết việc làm, phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo một cách tích cực. Tuy nhiên, việc liên kết với các trung tâm thương mại, công nghiệp và xuất khẩu lao động sang nước ngoài đòi hỏi lao động phải có tay nghề và trình độ học vấn nhất định. Do đó, việc nâng cao trình độ học vấn và đào tạo nghề theo đúng nhu cầu thị trường lao động là hướng tích cực góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người nghèo, đặc biệt là đối với cộng đồng người dân tộc Khmer.

3.5 Nguyên nhân nghèo và hạn chế của các chương trình xóa đói giảm nghèo

Nguyên nhân dẫn đến nghèo của người Khmer tập trung vào một số vấn đề sau: (1) trình độ học vấn thấp, thiếu kiến thức và kinh nghiệm sản xuất, thiếu thông tin khoa học kỹ thuật; (2) thiếu vốn, thiếu đất, thiếu lao động, thiếu việc làm; (3) rủi ro trong sản xuất kinh doanh, thường xuyên bệnh tật không khả năng lao động; (4) tập quán lạc hậu còn ảnh hưởng nặng nề trong sản xuất và đời sống, lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng, đông con; (5) một bộ phận người Khmer có biểu hiện tư tưởng phó thác cho số phận, thiếu ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống, nặng tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và cộng đồng.

Trong khi đó, các chương trình xóa đói giảm nghèo hiện vẫn còn bộc lộ một số hạn chế:

- Nhận thức về công tác xóa đói giảm nghèo chưa thực sự được chuyển biến sâu rộng cả trong Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo, nhất là Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo ở cấp xã/phường lẫn trong các tầng lớp cư dân và người nghèo. Vì thế, chưa phát huy được tinh thần dân chủ ở cơ sở và động viên sự tự lực vươn lên của người nghèo.
- Việc điều phối trong công tác xóa đói giảm nghèo chưa đồng bộ, còn có tính đơn lẻ, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc triển khai các chương trình, dự án nên hiệu quả thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo chưa cao.
- Công tác chỉ đạo thực hiện của Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cấp còn chung chung và nặng hình thức, thiếu phân tích đánh giá để có phương án giải pháp cụ thể, đồng bộ và phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Công tác kiểm tra, đôn đốc và hỗ trợ không thường xuyên và kịp thời.
- Trình độ và năng lực cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo vẫn còn yếu, chưa có cán bộ chuyên trách xóa đói giảm nghèo để nhận lãnh trách nhiệm thực thi chương trình này.
- Tiến trình tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách đối với người Khmer chậm được sơ, tổng kết.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1 Kết luận

- Nhiều chính sách và chương trình dự án xóa đói giảm nghèo đã phát huy tác dụng tích cực làm thay đổi đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho người dân ở ĐBSCL, trong đó có cộng đồng người dân tộc Khmer. Tuy nhiên, hiệu quả đạt được còn hạn chế chưa tương xứng với nỗ lực đầu tư.
- Phát triển kinh tế của các tỉnh ĐBSCL chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ kém phát triển, các ngành nghề phi nông nghiệp quy mô nhỏ thị trường tiêu thụ bị giới hạn. Chuyên dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm.
- Người nghèo Khmer có tiếp cận được các nguồn vốn vay tín dụng. Tuy nhiên công tác này còn nhiều bất cập do thiếu sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa hỗ trợ vốn với hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý kinh tế hộ, phát triển cơ sở hạ tầng và tiếp cận với thị trường. Các chương trình trợ giá trợ cước, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm chưa phát huy tác dụng và chưa thật sự đến tay người nghèo.
- Công tác khuyến nông lâm ngư có nhiều thành quả đáng kể, nhưng chỉ dừng lại ở mức trình diễn, thí điểm mô hình, chưa đi vào chiều sâu. Việc tổ chức nhân rộng mô hình còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với người nghèo và người Khmer do các rào cản về trình độ học vấn và ngôn ngữ.
- Phần lớn hộ nghèo Khmer không có đất canh tác, kinh tế nông hộ rất khó khăn. Trình độ học vấn của chủ hộ cũng như các thành viên hộ nghèo Khmer rất thấp,

tỷ lệ người mù chữ cao, thiếu chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh và rất khó tiếp cận với khoa học kỹ thuật.

- Người nghèo Khmer ít được tiếp cận với việc đào tạo nghề, cũng như rất khó tìm kiếm việc làm thường xuyên và ổn định.
- Vấn đề nhà ở đã được cải thiện từng bước. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn thấp so với nhu cầu thực tế của người nghèo nói chung và người nghèo Khmer, nói riêng.
- Vấn đề cơ sở hạ tầng nông thôn, nước sạch và vệ sinh môi trường đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, sự tiếp cận của người nghèo, đặc biệt là người Khmer còn ở mức rất thấp.
- Thông tin thị trường còn yếu kém và chưa được quan tâm đúng mức.
- Dân chủ cơ sở có bước phát triển, tuy nhiên, tính tham gia tích cực và năng động của người dân nhất là dân nghèo và người Khmer còn ở mức thấp do hạn chế về trình độ, năng lực và thời gian.
- Ngoài ra, năng lực của cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo các cấp còn yếu kém, nhất là cấp cơ sở. Thiếu lực lượng tham mưu có hiệu quả cho chính quyền địa phương.

4.2 Đề nghị

Nhằm thúc đẩy công tác xóa đói giảm nghèo hiệu quả hơn, có 6 nhóm vấn đề cần được quan tâm sau đây:

- Nâng cao trình độ và năng lực cho người dân đặc biệt là người Khmer nghèo
- Đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng để tạo điều kiện cho người Khmer tiếp cận với khoa học kỹ thuật, thông tin, thị trường, v.v. nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế và đời sống.
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội về văn hóa, giáo dục, y tế, bảo hiểm... đối với hộ nghèo, nhất là những hộ gia đình chính sách và người dân tộc Khmer. Tăng cường chính sách giáo dục - đào tạo đối với con hộ nghèo.
- Đẩy mạnh các chính sách phát triển kinh tế, trước hết là việc qui hoạch phát triển kinh tế phù hợp từng vùng, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với thị trường tiêu thụ lâu dài và ổn định; phát triển ngành nghề, việc làm phi nông nghiệp và dịch vụ; liên kết giữa các địa phương tạo công ăn việc làm ổn định cho các hộ không có đất và thiếu vốn; đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động; cải tiến chương trình tín dụng cho người Khmer nghèo.
- Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân và cộng đồng Khmer, nâng cao vai trò của Tổ tự quản và phát huy tác dụng của các vị sư sãi chủ trì các chùa Khmer.
- Cải tiến công tác tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo theo hướng tăng cường tính phối hợp, đồng bộ, đa dạng và cụ thể. Bón điều “cụ thể” mà một chương trình dự án xóa đói giảm nghèo cần có, để đạt hiệu quả cao là địa chỉ cụ thể, phương án cụ thể, bước đi cụ thể và phân công cụ thể.

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các cộng tác viên Dương Ngọc Thành, Lê Cảnh Dũng, Đặng Kiều Nhân, Nguyễn Quang Tuyền, Lâm Huôn (Viện NC Phát Triển ĐBSCL), Võ Công Nguyên (Viện Khoa học xã hội, Tp HCM), Sơn Phước Hoan, Lý Thâm, Nhan Xuân Thanh (Vụ Địa phương 3) đã đóng góp tích cực vào công tác điều tra khảo sát và tổng hợp thông tin tại từng địa bàn. Cảm ơn sự hợp tác tích cực của các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng và Trà Vinh trong việc cung cấp thông tin, đóng góp ý kiến và tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm nghiên cứu.

TÀI LIỆU THĂM KHẢO

- Báo cáo hằng năm của tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, các huyện và xã khảo sát
- Bùi Quang Huy, 2001, 'Sự phát triển các dân tộc thiểu số ở tỉnh Trà Vinh' trong *Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam Thế Kỷ XX*, Phan Hữu Dật *et al.* (biên tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 862-869.
- Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương liên quan đến dân tộc ít người (CDT, 97)
- Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo. Hà Nội, tháng 5/2002
- Đoàn Thanh Nô, 2002, *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nhà xuất bản Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- Lâm Chí Việt, 2001, 'Các dân tộc thiểu số ở Kiên Giang góp phần dựng nước và giữ nước' trong *Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam Thế Kỷ XX*, Phan Hữu Dật *et al.* (biên tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 641-650.
- Lê Hương, 1969. *Người Việt Gốc Miên*, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn (Tp Hồ Chí Minh).
- MDPA, 2003. Chương trình phân tích hiện trạng nghèo đói vùng đồng bằng sông Cửu Long. Báo cáo tổng hợp giai đoạn 1.
- Nguyễn Ngọc Đệ, Nguyễn Phú Sơn và Nguyễn Quang Tuyền, 2003. Báo cáo nghiên cứu xác định sự phối hợp hiệu quả hơn giữa các cơ quan đang thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo tỉnh Sóc Trăng.
- Người Khmer ở Kiên Giang (KKG, 10-11, 180-183):
- Phan Hữu Dật *et al.* (biên tập), 2001, *Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam Thế Kỷ XX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Toan Ánh, Cửu Long Giang, 2002, *Người Việt Đất Việt*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- Tổng Cục Thống Kê, 2003. Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002.
- Trần Văn Vụ, 2001, 'Các dân tộc tỉnh Sóc Trăng, thực trạng và phương hướng phát triển' trong *Các Dân Tộc Thiểu Số Việt Nam Thế Kỷ XX*, Phan Hữu Dật *et al.* (biên tập), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 808-815.
- Vụ Công tác Dân tộc ĐBSCL, 2003, *Báo Cáo Những Chuyển Biến ở Vùng Dân Tộc Khmer Nam Bộ trong Quá Trình Thực Hiện Chính Sách Dân Tộc của Đảng tại cuộc Họp Mặt Chól Chnăm Thmây Năm 2003*, Vụ Công tác Dân tộc ĐBSCL, Cần Thơ.
- Vụ Công tác Dân tộc ĐBSCL, 2003, *Bảng Tổng Hợp Số Liệu Dân Số ở Các Tỉnh Khu Vực Nam Bộ Năm 2002*, Vụ Công tác Dân tộc ĐBSCL, Cần Thơ.